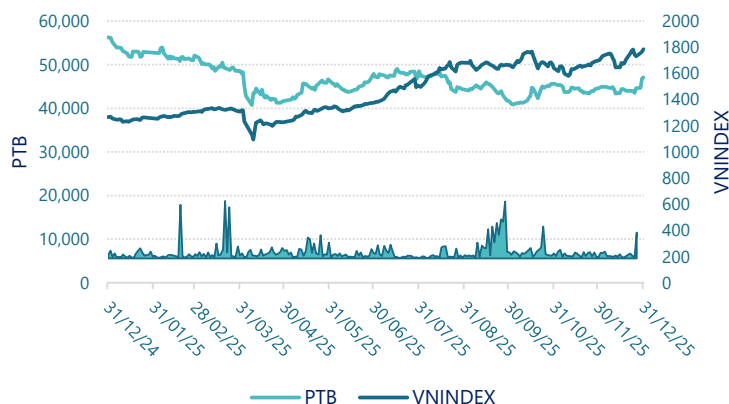


CTCP Phú Tài (HSX: PTB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	47,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	56,254
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,727
SL cổ phiếu LH	80,326,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)	117,535
% sở hữu nước ngoài	12.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,779
P/E	7.5
EPS	6,236

DT thuần

Q4/25

2,088

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 404 | 24.0%

YoY: ▲ 152 | 7.9%

LN sau thuế

Q4/25

133

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.00 | -5.1%

YoY: ▲ 39.3 | 41.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.8%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

2025

7,297

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 831 | 12.8%

LN sau thuế

2025

519

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 143 | 37.9%

ROE

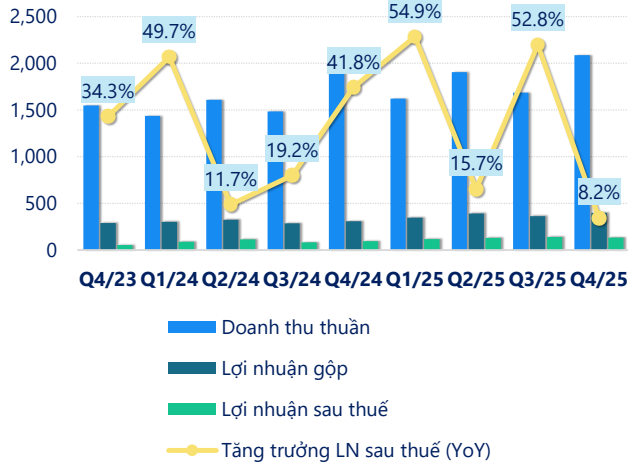
2025

15.7%

+/- YoY: ▲ 3.0%

tỷ VNĐ

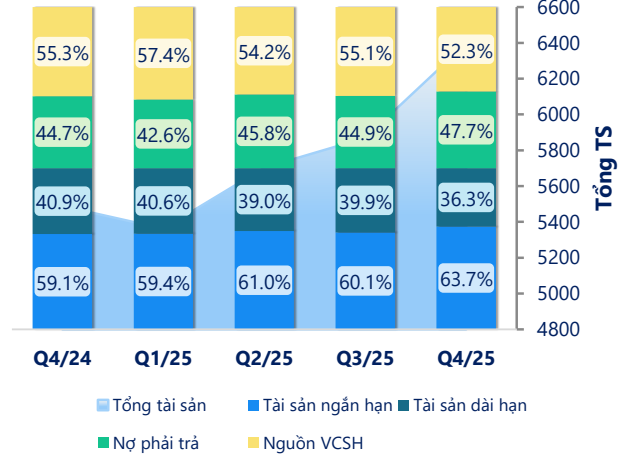
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

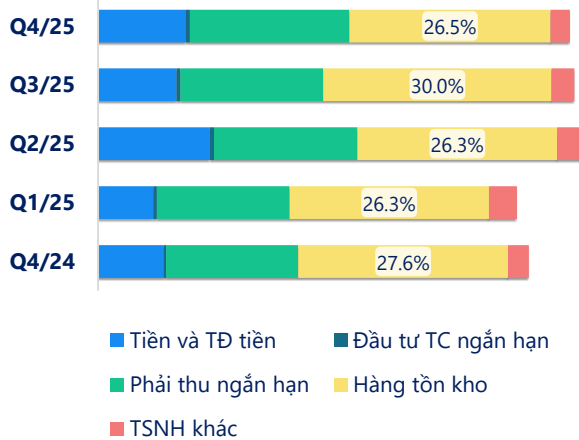
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



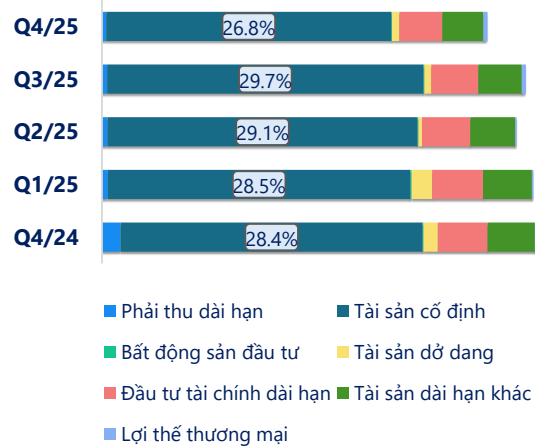
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

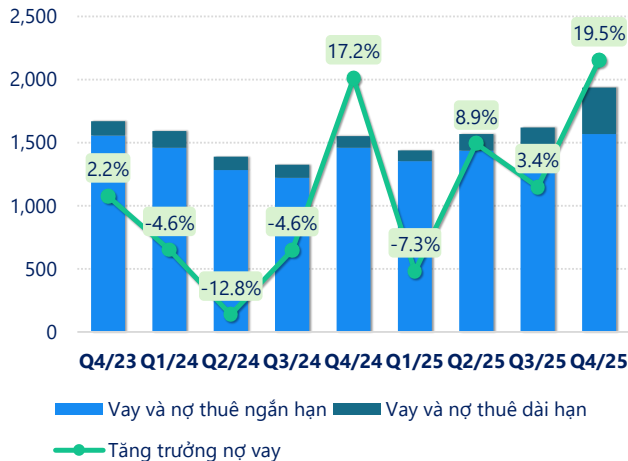
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

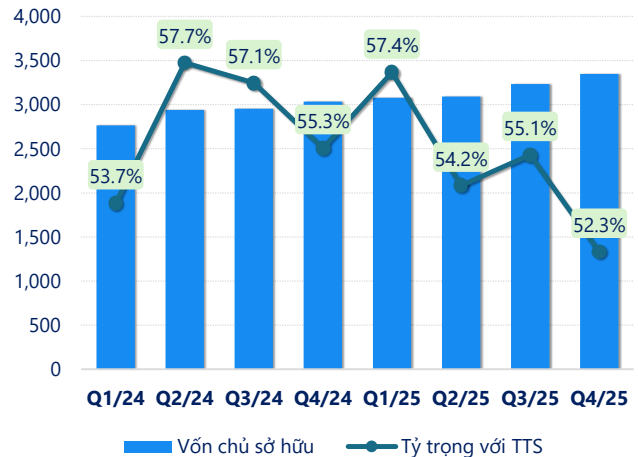
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

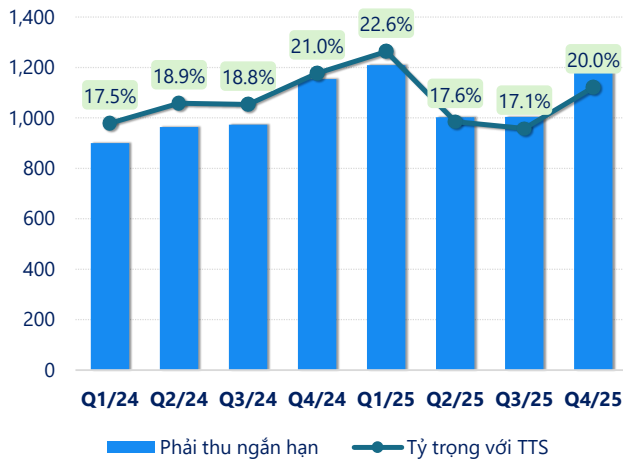
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



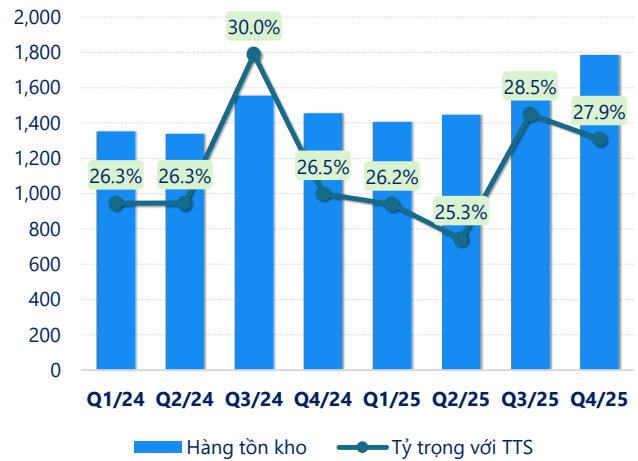
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


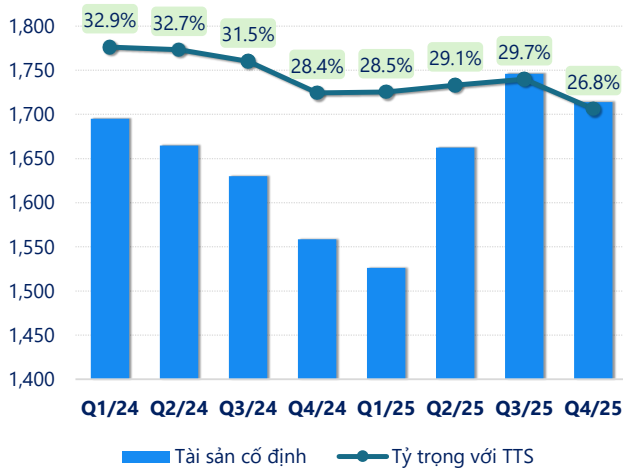
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


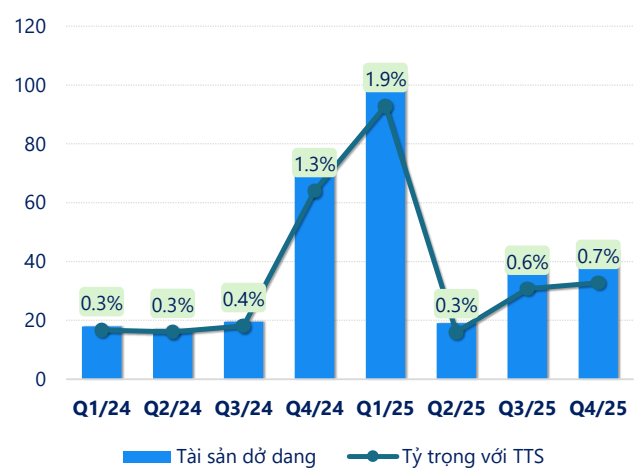
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

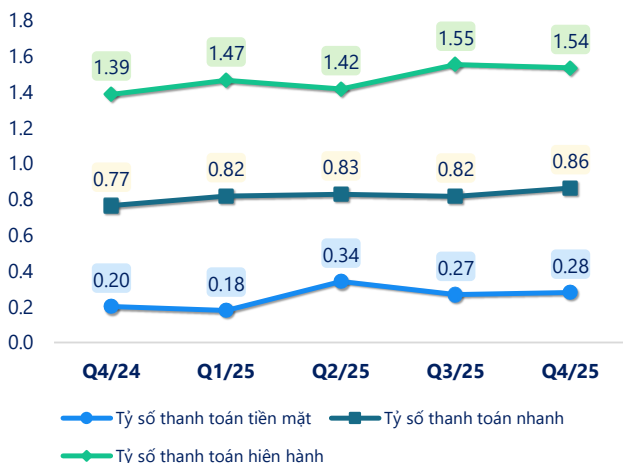
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

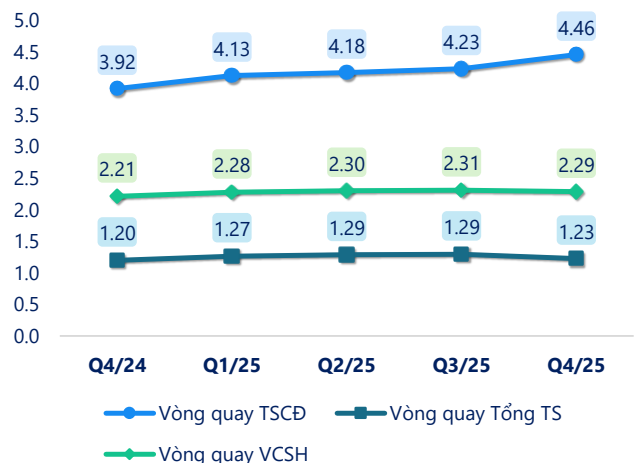
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	5,488	5,362	5,704	5,869	6,397
Tài sản ngắn hạn	3,245	3,187	3,480	3,529	4,078
Tiền và tương đương tiền	471	389	837	607	742
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.1	24.6	33.9	44.0	41.1
Phải thu ngắn hạn	1,154	1,210	1,003	1,004	1,282
Hàng tồn kho	1,454	1,406	1,446	1,674	1,784
Tài sản ngắn hạn khác	140	157	160	200	229
Tài sản dài hạn	2,243	2,175	2,224	2,340	2,320
Phải thu dài hạn	96.5	29.5	30.0	28.7	26.4
Tài sản cố định	1,559	1,526	1,662	1,746	1,714
Bất động sản đầu tư	5.15	5.10	5.04	4.98	4.93
Tài sản dở dang	73.2	104	19.1	37.7	43.7
Đầu tư tài chính dài hạn	257	257	258	259	259
Tài sản dài hạn khác	244	245	242	241	247
Lợi thế thương mại	8.84	8.06	7.28	22.4	24.9
Nợ phải trả	2,455	2,284	2,612	2,636	3,049
Nợ ngắn hạn	2,340	2,175	2,456	2,272	2,656
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,461	1,354	1,436	1,282	1,569
Phải trả người bán ngắn hạn	516	492	465	552	557
Nợ dài hạn	115	109	156	364	393
Vay và nợ thuê dài hạn	91.7	84.9	131	338	367
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,033	3,079	3,092	3,232	3,348
Vốn chủ sở hữu	3,033	3,079	3,092	3,232	3,348
Vốn điều lệ	669	669	669	669	669
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)